

Số: 28642/CT-HT
V/v trả lời chính sách thuế.

Hà Nội, ngày 18 tháng 5 năm 2015

Kính gửi: Trung tâm Sinh thái Nông nghiệp
(Địa chỉ: Phòng số 228 và 230, tầng 2 nhà Hành chính, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, Hà Nội. MST: 0101619572-004)

Trả lời công văn số 16/CV-STNN ngày 07/5/2015 của Trung tâm Sinh thái Nông nghiệp hỏi về miễn giảm thuế đối với hợp đồng Khoa học và Công nghệ, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến về nguyên tắc như sau:

- Căn cứ Điều 2 Chương I Luật Khoa học và Công nghệ số 21/2000/QH10 ngày 09/6/2000 quy định:

“Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

...

3. Hoạt động khoa học và công nghệ bao gồm nghiên cứu khoa học, nghiên cứu và phát triển công nghệ, dịch vụ khoa học và công nghệ, hoạt động phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất và các hoạt động khác nhằm phát triển khoa học và công nghệ;

4. Nghiên cứu khoa học là hoạt động phát hiện, tìm hiểu các hiện tượng, sự vật, quy luật của tự nhiên; xã hội và tư duy; sáng tạo các giải pháp nhằm ứng dụng vào thực tiễn. Nghiên cứu khoa học bao gồm nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng;

5. Phát triển công nghệ là hoạt động nhằm tạo ra và hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm mới. Phát triển công nghệ bao gồm triển khai thực nghiệm và sản xuất thử nghiệm;

...

8. Dịch vụ khoa học và công nghệ là các hoạt động phục vụ việc nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; các hoạt động liên quan đến sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ; các dịch vụ về thông tin, tư vấn, đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến, ứng dụng tri thức khoa học và công nghệ và kinh nghiệm thực tiễn.”

- Căn cứ Khoản 1 Điều 26 Chương III Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17/10/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ, quy định nguyên tắc, hình thức hợp đồng khoa học và công nghệ:

“Điều 26. Nguyên tắc, hình thức hợp đồng khoa học và công nghệ

1. Hợp đồng khoa học và công nghệ gồm có: hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; hợp đồng chuyển giao công nghệ; hợp đồng dịch vụ khoa học và công nghệ.

....”

- Căn cứ Khoản 15 Điều 10 Mục 1 Chương II Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng, quy định đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 5%:

“15. Dịch vụ khoa học và công nghệ là các hoạt động phục vụ, hỗ trợ kỹ thuật cho việc nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; các hoạt động liên quan đến sở hữu trí tuệ; chuyển giao công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, an toàn bức xạ, hạt nhân và năng lượng nguyên tử; dịch vụ về thông tin, tư vấn, đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến, ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội theo hợp đồng dịch vụ khoa học và công nghệ quy định tại Luật Khoa học và công nghệ, không bao gồm trò chơi trực tuyến và dịch vụ giải trí trên Internet.”

- Căn cứ Khoản 3 Điều 8 Chương II Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp, quy định thu nhập được miễn thuế:

“3. Thu nhập từ việc thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; Thu nhập từ doanh thu bán sản phẩm trong thời kỳ sản xuất thử nghiệm và thu nhập từ doanh thu bán sản phẩm làm ra từ công nghệ mới lần đầu tiên áp dụng tại Việt Nam. Thời gian miễn thuế tối đa không quá một (01) năm, kể từ ngày bắt đầu có doanh thu bán sản phẩm theo hợp đồng nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ, sản xuất thử nghiệm hoặc sản xuất theo công nghệ mới lần đầu tiên áp dụng tại Việt Nam.

a) Thu nhập từ việc thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được miễn thuế phải đảm bảo các điều kiện sau:

- Có chứng nhận đăng ký hoạt động nghiên cứu khoa học;
- Được cơ quan quản lý Nhà nước về khoa học có thẩm quyền xác nhận là hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

b) Thu nhập từ doanh thu bán sản phẩm làm ra từ công nghệ mới lần đầu tiên được áp dụng tại Việt Nam được miễn thuế phải đảm bảo công nghệ mới lần đầu tiên áp dụng tại Việt Nam được cơ quan quản lý Nhà nước về khoa học có thẩm quyền xác nhận.”

- Căn cứ Điều 3 Chương I Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế, có hiệu lực thi hành từ 15/11/2014, quy định sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 78/2014/TT-BTC như sau:

“3. Thu nhập từ việc thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ được miễn thuế trong thời gian thực hiện hợp đồng nhưng tối đa không quá 03 năm kể từ ngày bắt đầu có doanh thu từ thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;

...
a) Thu nhập từ việc thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được miễn thuế phải đảm bảo các điều kiện sau:

- Có chứng nhận đăng ký hoạt động nghiên cứu khoa học;
- Được cơ quan quản lý Nhà nước về khoa học có thẩm quyền xác nhận là hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

...”

- Căn cứ công văn số 1137/BKHCN-VPĐK ngày 15/4/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc xác nhận hợp đồng KH&CN của Trung tâm Sinh thái Nông nghiệp: “Hợp đồng số 22/10-HĐKT ngày 22/10/2014 do Trung tâm Sinh thái Nông nghiệp ký với Trung tâm Tài nguyên và Môi trường Lâm nghiệp: “Xây dựng bản đồ che phủ rừng và đất không có rừng giai đoạn từ 2000 đến năm 2013/2014 tại 2 tỉnh Thanh Hóa và Nghệ An” là loại hình dịch vụ khoa học và công nghệ trong phạm vi lĩnh vực đã đăng ký hoạt động của Trung tâm.”

- Căn cứ Hợp đồng kinh tế số 22/10-HĐKT ngày 22/10/2014 ký kết giữa Trung tâm Tài nguyên và Môi trường Lâm nghiệp và Trung tâm Sinh thái Nông nghiệp, Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

Căn cứ các quy định trên và căn cứ vào tài liệu đơn vị cung cấp, trường hợp Trung tâm Sinh thái Nông nghiệp thực hiện ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ “Xây dựng bản đồ che phủ rừng và đất không có rừng giai đoạn từ 2000 đến năm 2013/2014 tại 2 tỉnh Thanh Hóa và Nghệ An” với Trung tâm Tài nguyên và Môi trường Lâm Nghiệp) thì bản chất đây là việc ký kết hợp đồng dịch vụ khoa học - công nghệ và thu nhập từ việc thực hiện hợp đồng này không thuộc trường hợp được miễn thuế TNDN theo quy định tại Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính, đã được sửa đổi tại Điều 3 Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính nêu trên. Trung tâm Sinh thái Nông nghiệp không được hưởng ưu đãi miễn thuế TNDN đối với thu nhập từ việc thực hiện hợp đồng dịch vụ khoa học và công nghệ này.

Dịch vụ khoa học và công nghệ thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 5% theo quy định tại Khoản 15 Điều 10 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính nêu trên.

Cục Thuế TP. Hà Nội thông báo để đơn vị biết và thực hiện theo đúng quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật được trích dẫn tại văn bản này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng Thu nhập cá nhân;
- Phòng Pháp chế;
- Lưu: VT, HTr(2).



Mai Sơn